

Số: 21/2023/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định nội dung và mức chi khám sức khỏe định kỳ, điều dưỡng, thăm ốm, thăm viếng đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung và mức chi khám sức khỏe định kỳ, điều dưỡng, thăm ốm, thăm viếng đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 259/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi khám sức khỏe định kỳ, điều dưỡng, thăm ốm, thăm viếng đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.
- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023. / *th*

Nơi nhận: *th*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (*Bộ Tư pháp*);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (*Thành*) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS. *th*

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh

QUY ĐỊNH

Nội dung và mức chi khám sức khỏe định kỳ, điều dưỡng, thăm ốm, thăm viếng đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung và mức chi cho công tác khám sức khỏe định kỳ, điều dưỡng, thăm ốm, thăm viếng đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Đối tượng và nguyên tắc áp dụng

1. Đối tượng

a) Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và đối tượng khác.

b) Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện khám sức khỏe định kỳ, điều dưỡng, thăm ốm, thăm viếng đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và đối tượng khác.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Nguyên tắc áp dụng

a) Chế độ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 4 Quy định này chỉ thực hiện đối với đối tượng cư trú trên địa bàn tỉnh.

b) Chế độ quy định tại khoản 7 Điều 4 Quy định này được thực hiện với cả đối tượng cư trú trên địa bàn tỉnh và đối tượng cư trú ngoài tỉnh.

c) Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng quy định tại Điều 3 Quy định này thì chỉ được hưởng chế độ cao nhất trong từng chế độ đặc thù được quy định tại Quy định này.

Điều 3. Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và đối tượng khác được hưởng chế độ, gồm:

1. Đối tượng 1, gồm:

a) Các đồng chí đương chức và nguyên chức: Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách.

b) Các đồng chí nguyên chức: Tổng cục trưởng và tương đương trở lên thuộc Trung ương hoặc địa phương khác cư trú trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng 2, gồm:

a) Các đồng chí đương chức và nguyên chức: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách.

b) Các đồng chí đương chức: Đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn.

c) Các đồng chí: Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh nghỉ hưu trước nhiệm kỳ 2016 - 2021.

d) Các đồng chí nguyên chức: Phó tổng cục trưởng và tương đương thuộc Trung ương hoặc địa phương khác cư trú trên địa bàn tỉnh.

3. Đối tượng 3, gồm:

a) Các đồng chí đương chức và nguyên chức: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; Trưởng các ban đảng, cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy; Giám đốc sở, trưởng cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội và tương đương cấp tỉnh; Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Bí thư các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

b) Các đồng chí đương chức và nguyên chức: Trưởng các đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

c) Các đồng chí nguyên chức: Vụ trưởng và tương đương thuộc Trung ương hoặc địa phương khác cư trú trên địa bàn tỉnh.

4. Đối tượng 4, gồm:

a) Các đồng chí đương chức và nguyên chức: Phó trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy; Thư ký Bí thư Tỉnh ủy; Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và tương đương cấp tỉnh; Phó trưởng Ban các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy; Trưởng ban quản lý dự án thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng các hội được giao số lượng người làm việc; trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó bí thư các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Các đồng chí đương chức và nguyên chức: Phó các đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

c) Các đồng chí đương chức: Chủ tịch hội đồng của đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch hội đồng quản trị, hội đồng thành viên doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; tổng giám đốc, giám đốc doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Các đồng chí nguyên chức: Phó vụ trưởng và tương đương thuộc Trung ương hoặc địa phương khác cư trú trên địa bàn tỉnh.

5. Đối tượng 5, gồm:

a) Cán bộ Lão thành cách mạng cư trú trên địa bàn tỉnh.

b) Cán bộ Tiên khởi nghĩa, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động cư trú trên địa bàn tỉnh.

c) Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân cư trú trên địa bàn tỉnh.

d) Cán bộ lực lượng vũ trang có quân hàm từ trung tá trở lên trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ hoặc có quân hàm cấp tướng sau thời kỳ kháng chiến chống Mĩ đã nghỉ hưu cư trú trên địa bàn tỉnh.

6. Đối tượng 6, gồm:

a) Các đồng chí đương chức và nguyên chức: Ủy viên Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các huyện, thành phố.

b) Các đồng chí đương chức: Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Các đồng chí: Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố nghỉ hưu trước nhiệm kỳ 2016 - 2021.

d) Các đồng chí đương chức: Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Giám đốc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Chánh Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh.

7. Đối tượng 7: Thân nhân (*bao gồm bố, mẹ đẻ, bố, mẹ vợ hoặc chồng, vợ hoặc chồng, con*) của các chức danh được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều này.

Điều 4. Nội dung, mức chi

1. Chi khám sức khỏe định kỳ

a) Đối tượng

Các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 3 Quy định này được hưởng chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

b) Mức chi

- Chi phí khám sức khỏe định kỳ được chi trả theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ Bảo hiểm y tế hiện hành.

- Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1; khoản 2; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 3 Quy định này được hưởng tiêu chuẩn khám 2 lần/năm, định mức tối đa lần khám thứ nhất trong năm là 3.600.000 đồng đối với nam và 4.000.000 đồng đối với nữ; định mức tối đa lần khám thứ 2 trong năm là 3.000.000 đồng đối với nam và 3.300.000 đồng đối với nữ.

- Đối tượng quy định tại khoản 3; khoản 4; điểm c, điểm d khoản 5 và khoản 6 Điều 3 Quy định này được hưởng tiêu chuẩn khám 1 lần/năm, định mức tối đa là 3.600.000 đồng đối với nam và 4.000.000 đồng đối với nữ.

2. Chi thăm khám, theo dõi sức khỏe tại nhà hoặc tại cơ quan

a) Đối tượng

Đối tượng quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 3 Quy định này khi còn đương chức được hưởng chế độ thăm khám, theo dõi sức khỏe tại nhà hoặc cơ quan.

b) Mức chi

Hỗ trợ chi phí tối đa 1 triệu đồng/lần thăm khám, theo dõi sức khỏe (*số kinh phí đã bao gồm cả tiền thuốc trong trường hợp phải kê đơn*).

Chế độ thăm khám, theo dõi sức khỏe tại nhà hoặc cơ quan được thực hiện khi có yêu cầu và không quá 3 lần trong một năm.

3. Chăm sóc sức khỏe cán bộ đi công tác trong nước và công tác nước ngoài

a) Đối tượng: Áp dụng đối với đối tượng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 3 Quy định này còn đương chức.

b) Mức chi: Chi theo thực tế phát sinh.

4. Chi thăm hỏi khi điều trị tại Bệnh viện

STT	Đối tượng	Mức chi
a)	Đối tượng quy định tại: Điểm b khoản 1, khoản 2 (<i>trừ trường hợp là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy</i>), khoản 3 (<i>trừ trường hợp là Tỉnh ủy viên hoặc công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy</i>), khoản 5 Điều 3 Quy định này.	02 triệu đồng/người/lần
b)	Đối tượng quy định tại: Khoản 4 (<i>trừ các trường hợp công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy</i>), khoản 6 (<i>trừ các trường hợp Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy; đối tượng công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc huyện ủy, thành ủy</i>) Điều 3 Quy định này.	01 triệu đồng/người/lần

Chế độ thăm hỏi khi điều trị tại Bệnh viện cho các đối tượng nêu trên thực hiện tối đa 2 lần/năm cho mỗi trường hợp.

5. Chi thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán cổ truyền

STT	Đối tượng	Mức chi
a)	Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1, Điều 3 quy định này đã nghỉ hưu.	03 triệu đồng/suất, trong đó: Tiền mặt 02 triệu đồng và một phần quà bằng hiện vật trị giá 01 triệu đồng.
b)	Đối tượng quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 3 quy định này đã nghỉ hưu.	02 triệu đồng/suất, trong đó: Tiền mặt 01 triệu đồng và một phần quà bằng hiện vật trị giá 01 triệu đồng.

6. Chi điều dưỡng

a) Đối tượng

Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 (*ngoài chế độ quy định của Trung ương*); điểm a khoản 2 Điều 3 Quy định này nguyên chức và đối tượng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Quy định này được hưởng chế độ điều dưỡng.

b) Mức chi

Mức chi tối đa thực hiện điều dưỡng cho các đối tượng trong 5 ngày tại cơ sở điều dưỡng không kể thời gian đi và về là 7 triệu đồng/người/lần.

Các đối tượng nêu tại điểm a khoản này được thực hiện chế độ điều dưỡng 02 năm một lần. Ngoài mức chi trên, ngân sách địa phương chi trả 100% chi phí đi lại, tiền ăn, tiền ngủ của các đối tượng từ nhà đến địa điểm tập trung (*lượt đi, lượt về*) và kinh phí phục vụ đoàn trên đường từ địa điểm tập trung đến cơ sở điều dưỡng, trong đó, tiền đi lại, tiền ngủ áp dụng theo chế độ công tác phí, tiền ăn áp dụng theo mức chi tiếp khách trong nước hiện hành.

7. Chi thăm viếng

STT	Đối tượng	Mức chi
a)	Các đối tượng quy định tại: Điểm b khoản 1, khoản 2 (<i>trừ trường hợp là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy</i>), khoản 3 (<i>trừ các trường hợp là Tỉnh ủy viên hoặc công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy</i>) Điều 3 Quy định này.	2,5 triệu đồng
b)	Thân nhân của đối tượng tại điểm a khoản này.	1,5 triệu đồng
c)	Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này (<i>trừ các trường hợp công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy</i>).	02 triệu đồng
d)	Thân nhân của đối tượng tại điểm c khoản này.	01 triệu đồng
đ)	Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy định này.	1,5 triệu đồng
e)	Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 3 Quy định này (<i>trừ các trường hợp Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy; đối tượng công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc huyện ủy, thành ủy</i>).	01 triệu đồng
g)	Thân nhân của đối tượng tại điểm e khoản này.	0,5 triệu đồng

Ngoài chế độ nêu trên, khi tổ chức thăm viếng các đối tượng, đoàn thăm viếng được bố trí kinh phí mua vòng hoa và lễ viếng, mức tối đa là 1 triệu đồng/cuộc.

8. Các đối tượng do Trung ương quản lý thuộc Quy định này đã được hưởng chế độ, chính sách tương tự tại các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy thì thực hiện theo các văn bản đó và không hưởng các chế độ, chính sách tại Quy định này; đối với các nội dung chi không có mức chi quy định cụ thể thì thực hiện theo thực tế phát sinh.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật./.